

## NHẬN ĐỊNH TTCK VIỆT NAM TUẦN 09/12 – 13/12/2019

### Diễn biến thị trường quốc tế:

| Chỉ số     | Điểm số   | Tăng giảm 1 tuần (%) | P/E   | YTD   |
|------------|-----------|----------------------|-------|-------|
| VN-Index   | 963.56    | -0.74                | 15.82 | 7.96  |
| VN30       | 880.43    | -0.79                | 12.78 | 2.98  |
| Dow Jones  | 28,015.06 | -0.13                | 19.28 | 20.09 |
| S&P 500    | 3,145.91  | 0.16                 | 20.93 | 25.49 |
| DAX        | 13,166.58 | -0.53                | 24.35 | 24.70 |
| CAC        | 5,871.91  | -0.56                | 21.03 | 24.12 |
| Nikkei 225 | 23,354.40 | 0.26                 | 18.59 | 16.69 |
| Shanghai   | 2,912.01  | 1.39                 | 14.01 | 16.77 |
| Vàng       | 1,460.17  | -0.26                |       | 13.85 |
| Dầu WTI    | 59.20     | 7.30                 |       | 30.37 |

**Giảng co là xu hướng chính của chứng khoán thế giới trong những phiên giao dịch gần đây, khi thị trường đón nhận những thông tin thiếu nhất quán về khả năng Washington và Bắc Kinh đạt một thỏa thuận thương mại giai đoạn 1 trước ngày 15/12 - thời điểm chính quyền Tổng thống Donald Trump dự kiến có đợt áp thuế quan mới lên hàng hóa Trung Quốc. Sau đây là những thông tin đáng chú ý trong tuần:**

1. Cuộc chiến tranh thương mại giữa Mỹ- Trung Quốc vẫn rất khó lường. Cố vấn kinh tế Nhà Trắng Larry Kudlow cho biết ngày 15/12 vẫn là thời hạn mà chính quyền Tổng thống Donald Trump sẽ thực hiện đợt áp thuế tiếp theo lên hàng hóa Trung Quốc. Tuy nhiên, ông Kudlow nói "đàm phán vẫn diễn ra tích cực, gần như hàng ngày, và hai bên liên lạc mật thiết". Mỹ và Trung Quốc cùng cứng rắn và còn có nhiều vấn đề hai bên phải nhất trí. Cả 2 bên chỉ còn chưa tới 10 ngày nữa trước khi Washington áp thuế cao hơn đối với hàng hóa Trung Quốc. Thuế bổ sung đối với 156 tỷ USD hàng Trung Quốc sẽ có hiệu lực vào ngày 15/12.
2. Diễn biến mới trong căng thẳng thương mại Mỹ- EU. Pháp và Liên minh châu Âu (EU) nói sẽ trả đũa nếu Mỹ đánh thuế hàng hóa Pháp. Đại diện Thương mại Mỹ công bố hôm thứ Hai (02/12) danh sách hàng hóa Pháp có thể bị nâng thuế lên 100%. Quyết định này được đưa ra sau khi Pháp áp thuế dịch vụ kỹ thuật số, điều mà Mỹ cho rằng là đối xử không công bằng với các công ty công nghệ của Mỹ. Các quốc gia châu Âu khác, bao gồm Anh, cũng lên kế hoạch áp thuế kỹ thuật số.
3. Số liệu của Bộ Thương mại Mỹ công bố ngày 5/12 cho biết thương mại của nước này đã giảm 7,6% trong tháng 10, xuống mức thấp nhất trong vòng 16 tháng qua do sự sụt giảm hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc. Thâm hụt đã giảm từ mức điều chỉnh 51,1 tỷ USD hồi tháng trước xuống còn 47,2 tỷ USD. Nếu tình trạng này tiếp tục kéo dài sang tháng 12 thì một khoản thâm hụt nhỏ có thể tạo một cú hích cho tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Mỹ trong quý IV.
4. Hoạt động sản xuất tại Mỹ tiếp tục có diễn biến xấu vào tháng trước, Viện Quản lý cung ứng cho biết. Chỉ số sản xuất PMI của ISM đã giảm xuống 48,1 vào tháng 11, thấp hơn ước tính là 49,4. Báo cáo từ Viện Quản lý nguồn cung Hoa Kỳ (ISM) cho thấy ngành sản xuất Mỹ trong tháng 11 giảm tháng thứ tư liên tục, làm dấy lên lo ngại rằng chuỗi thời gian tăng trưởng dài nhất trong lịch sử của nền kinh tế lớn nhất thế giới.

5. Báo cáo hàng tuần từ Bộ Lao động Mỹ cho thấy số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu ở nước này giảm 203.000 trong tuần trước, mức giảm mạnh hơn dự báo. Do đó, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu trong tuần qua giảm về mức thấp nhất 7 tháng. Bên cạnh đó, một báo cáo khác cho thấy nền kinh tế nước này có thêm 266.000 việc làm mới trong tháng 10, mức tăng mạnh nhất 10 tháng và vượt xa dự báo của giới phân tích. Tỷ lệ thất nghiệp nhờ đó giảm xuống còn 3,5%. Dữ liệu này giúp xoa dịu nỗi lo về một sự suy yếu của thị trường việc làm Mỹ.
6. Tổng thống Mỹ Donald Trump ngày 2/12 khi bất ngờ tuyên bố áp thuế quan lên thép và nhôm nhập khẩu từ Brazil và Argentina. Hãng tin Reuters cho biết, giới chức hai nước bị "sốc" vì quyết định này của ông chủ Nhà Trắng và đang cố gắng đi tìm câu trả lời. Bộ trưởng Bộ Sản xuất Argentina, ông Dante Sica, thì nói rằng động thái của ông Trump là "bất ngờ" và ông đang rất muốn nói chuyện với các quan chức Mỹ. Theo số liệu của Argentina, nước này đã xuất khẩu khoảng 520 triệu USD thép và nhôm sang Mỹ trong năm nay, sau khi xuất khẩu 700 triệu USD trong 2018.
7. Doanh thu ngành bán lẻ Hồng Kông giảm mạnh kỷ lục trong tháng 10 vừa qua, trong bối cảnh nền kinh tế của vùng lãnh thổ hứng chịu ảnh hưởng tiêu cực của phong trào biểu tình kéo dài từ đầu tháng 6. Hãng tin Bloomberg dẫn số liệu do chính quyền Hồng Kông công bố ngày 2/12 cho thấy doanh thu bán lẻ của thành phố giảm 24,3% trong tháng 10 so với cùng kỳ năm ngoái, một mức giảm chưa từng có tiền lệ và đánh dấu tháng thứ tư liên tiếp giảm với tốc độ hai con số.
8. Nhật Bản vừa tung gói kích thích tài khóa đầu tiên kể từ năm 2016, theo đó chi 13,2 nghìn tỷ Yên, tương đương 121 tỷ USD, để khắc phục thâm hụt thiên tai, nâng cấp cơ sở hạ tầng và đầu tư vào các công nghệ mới. Gói kích cầu trên dự kiến được triển khai trong thời gian 15 tháng và là một trong những gói chi tiêu mạnh nhất của Nhật Bản kể từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008-2009. Kế hoạch này được đưa ra trong bối cảnh Nhật Bản tìm cách ngăn đà giảm tốc của nền kinh tế trong nước dưới tác động của kinh tế toàn cầu suy yếu, đợt tăng thuế tiêu thụ gần đây của Nhật, và rủi ro suy giảm tăng trưởng sâu hơn sau khi nước này đăng cai Thế vận hội mùa hè Tokyo 2020.

Global Stock Market Indexes 2019



Thị trường chứng khoán Mỹ tăng điểm vững vàng trong phiên giao dịch ngày thứ Sáu, khi báo cáo việc làm khả quan và hy vọng về đàm phán thương mại Mỹ-Trung giúp nhà đầu tư hưng phấn. Các chỉ số đóng cửa ngay dưới mức kỷ lục đã đạt được vào ngày 27/11/2019. S&P 500 chỉ còn cách 0,3% so với mức cao mọi thời đại. Dow Jones và Nasdaq Composite đều thấp hơn 0,6% so với mức kỷ lục. Tuy nhiên, sau một tuần đầy biến động khi thị trường đón nhận những tin tức thiếu rõ ràng về đàm phán thương mại và những số liệu kinh tế tốt xấu đan xen, chỉ có S&P 500 tăng điểm trong cả tuần. Hai chỉ số Dow Jones và Nasdaq kết thúc một

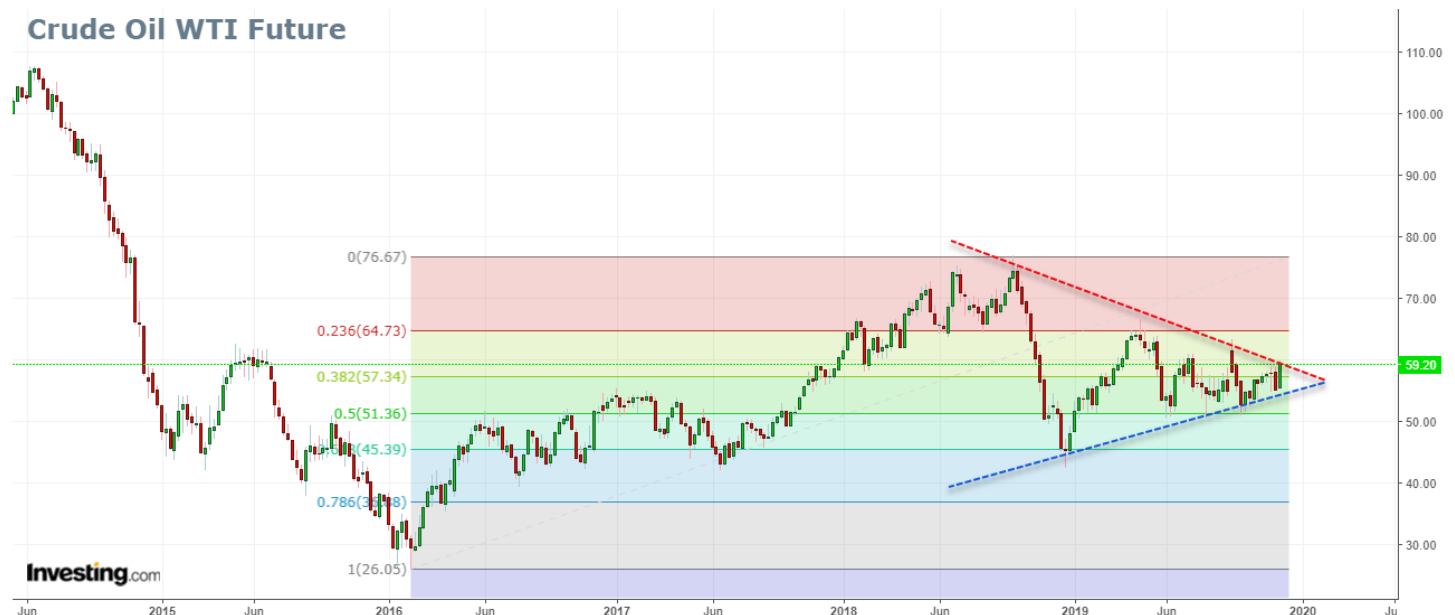
tuần đi xuống. Vào ngày thứ Sáu, Bộ Lao động Mỹ cho biết nền kinh tế nước này đã tạo ra thêm 266.000 việc làm trong tháng 11, cao hơn nhiều so với dự báo tăng 187.000 người từ các chuyên gia kinh tế tham gia cuộc thăm dò của Dow Jones. Tỷ lệ thất nghiệp lùi xuống 3,5%, mức thấp nhất kể từ năm 1969. Lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ tiến lên đỉnh trong phiên sau khi dữ liệu việc làm được công bố, qua đó khiến giá trái phiếu giảm. Lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ kỳ hạn 10 năm dao động tại mức 1,84%, còn lợi suất trái phiếu kỳ hạn 2 năm ở mức 1,62%.

**Các thị trường chứng khoán châu Âu hầu hết giảm điểm trong tuần qua khi căng thẳng thương mại giữa Mỹ và EU leo thang.** Ngày 2/12, Mỹ đe dọa sẽ áp thuế lên đến 100% lên số hàng hóa trị giá 2,4 tỷ USD của Pháp, đáp trả việc nước này đánh thuế dịch vụ kỹ thuật số (DST) mà Mỹ cho là phân biệt đối xử. Pháp và Liên minh châu Âu (EU) nói sẽ trả đũa nếu Mỹ đánh thuế hàng hóa Pháp. Tính chung tuần qua, chỉ số DAX 30 của Đức giảm 0,53%, chỉ số CAC 40 của Pháp giảm 0,56% và chỉ số FTSE 100 của Anh giảm 1,45%.

**Thị trường chứng khoán châu Á đồng loạt hồi phục khi tâm lý của giới đầu tư được cải thiện nhờ tin hiệu tích cực về vấn đề thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc.** Tại thị trường Tokyo, chỉ số Nikkei 225 của Nhật Bản tăng 0,26% lên 23.354,4 điểm khi kỳ vọng vào đàm phán thương mại Mỹ-Trung lại xuất hiện, song các nhà đầu tư vẫn thận trọng trước một vài yếu tố khác, trong đó có cuộc tổng tuyển cử tại Anh vào tuần tới. Cũng trong tuần qua, Nhật Bản vừa tung gói kích thích tài khóa đầu tiên kể từ năm 2016, theo đó chi 13,2 nghìn tỷ Yên, tương đương 121 tỷ USD, để khắc phục thảm họa thiên tai, nâng cấp cơ sở hạ tầng và đầu tư vào các công nghệ mới. Gói kích cầu trên dự kiến được triển khai trong thời gian 15 tháng và là một trong những gói chi tiêu mạnh nhất của Nhật Bản kể từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008-2009. Tại Trung Quốc, Shanghai Composite và Shenzhen Composite lần lượt tăng 1,39% và 3,09%. Chỉ số Hang Seng của Hong Kong cũng tăng 0,58%. Ở chiều ngược lại, Kospi của Hàn Quốc giảm 0,29%, ASX 200 của Australia và NZX 50 của New Zealand lần lượt giảm 2,03% và 0,63%.

**Diễn biến giá dầu thế giới: Giá dầu tuần qua tăng mạnh sau quyết định cắt giảm sản lượng của OPEC+**

**Diễn biến giá dầu theo tuần (weekly)**

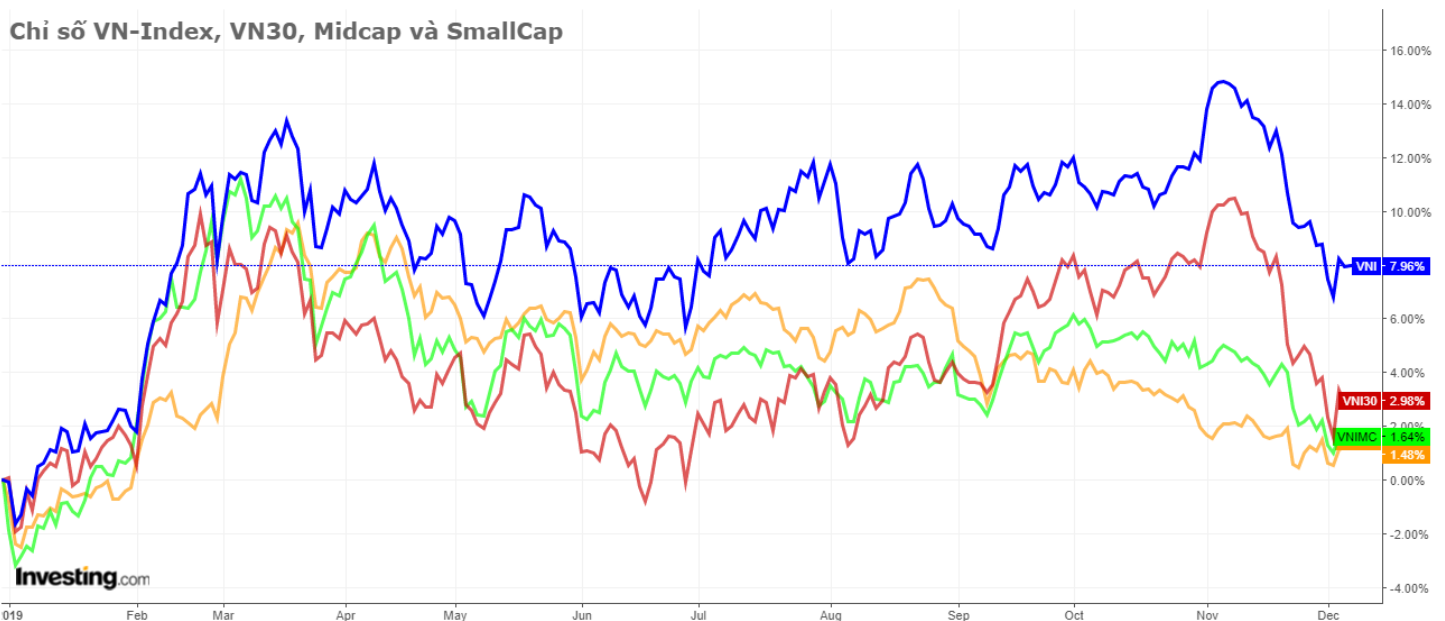


- Các hợp đồng dầu thô tương lai tăng mạnh vào ngày thứ Sáu (06/12), ghi nhận mức đóng cửa cao nhất kể từ tháng 9/2019, sau khi OPEC cùng với các đồng minh đồng ý chính thức cắt giảm sản lượng thêm 500.000 thùng/ngày trên mức thỏa thuận cắt giảm hiện tại, bắt đầu vào tháng 01/2020. Tuần qua, hợp

đồng dầu WTI đã vọt 7,3%, đánh dấu tuần tăng mạnh nhất kể từ tuần kết thúc ngày 21/06/2019. Hợp đồng dầu Brent tăng 6,5%, chứng kiến tuần tăng mạnh nhất kể từ tuần kết thúc ngày 20/09/2019. Cả 2 hợp đồng dầu WTI và dầu Brent đều đóng cửa tại mức cao nhất kể từ tháng 9/2019.

- Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) và các đối tác do Nga dẫn đầu (gọi chung là OPEC+) hôm 6-12 cho biết đã đạt được thỏa thuận tiếp tục cắt giảm sản lượng khai thác trong nỗ lực ngăn chặn tình trạng thừa mứa nguồn cung, hỗ trợ giá dầu và tăng nguồn thu. Cụ thể, tại hội nghị ở thủ đô Vienna - Áo, OPEC+ nhất trí cắt giảm sản lượng dầu mỏ thêm 500.000 thùng/ngày từ mức cắt giảm 1,2 triệu thùng/ngày hiện nay (so với thời điểm tháng 10-2018). Bước đi mới này dự kiến có hiệu lực từ ngày 1-1-2020. Ngoài ra, trong diễn biến gây ngạc nhiên, OPEC thông báo một số thành viên của họ, chủ yếu là Ả Rập Saudi, sẽ tình nguyện cắt giảm thêm sản lượng để đưa con số trên lên mức 2,1 triệu thùng/ngày.
- Bên cạnh đó, dữ liệu từ Baker Hughes vào ngày thứ Sáu đã mang đến nhiều sự hỗ trợ cho giá dầu. Dữ liệu cho thấy số giàn khoan dầu đang hoạt động tại Mỹ giảm 7 tuần liên tiếp, mất 5 giàn còn 663 giàn trong tuần này.

### **Thị trường chứng khoán Việt Nam 09/12 - 13/12: Tích lũy và phục hồi!**

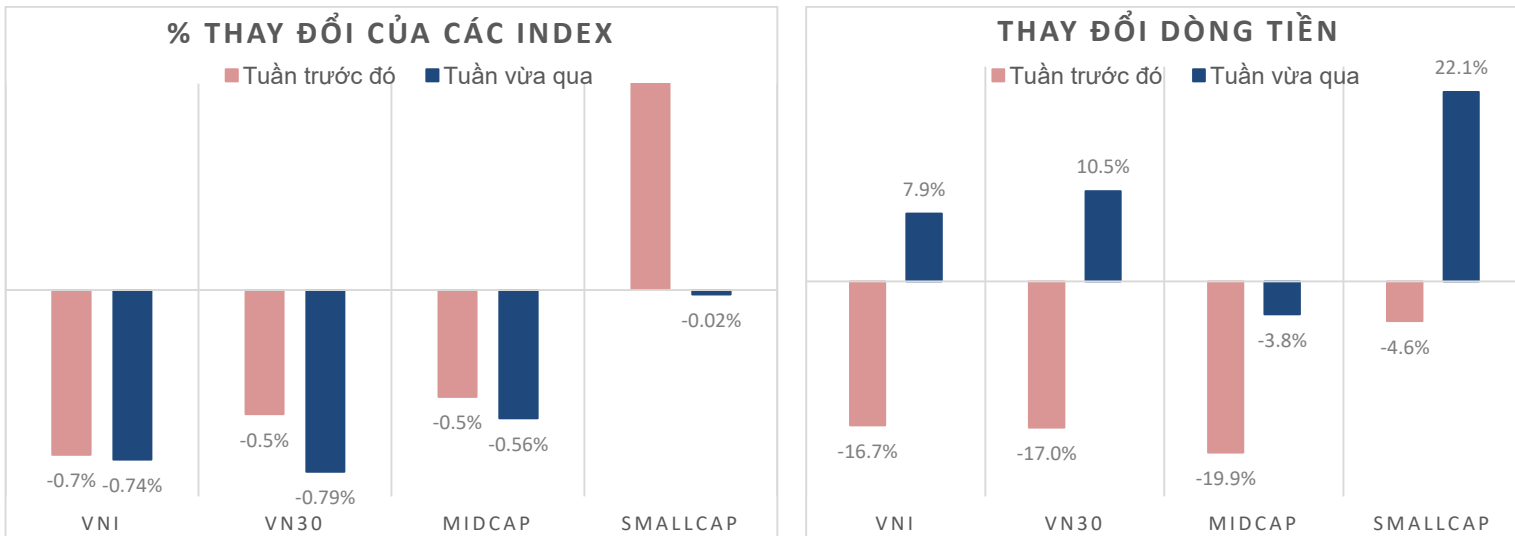


- Thị trường điều chỉnh sang tuần thứ 4 liên tiếp và đang hình thành vùng cân bằng mới ở khu vực hỗ trợ 950 - 960 điểm. Theo thống kê từ Bloomberg, trong 10 năm trở lại đây, xác suất thị trường thường tăng vào tháng 12 với tỷ suất lợi nhuận bình quân là 0,79%
- Thanh khoản tăng lên mức trên 3.300 tỷ/phiên cho thấy nhà đầu tư đã sẵn sàng bắt đáy cho nhịp phục hồi sắp tới. Dòng tiền tăng ở 3 nhóm: Vnindex, Vn30 và đặc biệt là nhóm smallcap, trong khi đó nhóm midcap đang bị rút ròng sang tuần thứ 2 liên tiếp.
- Khối ngoại tiếp tục chuỗi bán ròng sang tháng thứ 5 liên tiếp, dòng tiền qua các quỹ ETF đã đảo chiều nhờ lực mua từ quỹ ETF nội.
- Về kỹ thuật, thị trường có khả năng tích lũy ở vùng 950 – 960 điểm (ngưỡng Fibonacci 50%), trong khi áp lực bán cũng không còn ép thêm được, vùng cân bằng cung cầu cũng đang được hình thành. Kịch bản khả dĩ là thị trường phục hồi với biên độ hẹp trước khi bật tăng kiểm nghiệm lại vùng MA200 ở mức 983 điểm. Trong trường hợp không thuận lợi, thị trường có thể thoái lui để kiểm tra ngưỡng hỗ trợ cứng kể từ đầu năm ở 940 điểm – 945 điểm.
- **Chiến lược đầu tư:** có thể giải ngân ở nhịp tích lũy, trong trường hợp khả quan khi thị trường tăng điểm cần chú ý vùng cân 983 điểm, nơi có mặt của đường MA200. Nếu thị trường thị trường có thể bứt phá

với sự hỗ trợ từ thanh khoản, sẽ tiếp tục nắm giữ hoặc tăng tỷ trọng, trường hợp không thành công sẽ giảm tỷ trọng.

- **Cơ hội đầu tư:** Các cổ phiếu trong rổ VN30, đặc biệt chú ý đến các cổ phiếu nằm trong các rổ index mới. Bên cạnh đó là các cổ phiếu nhóm ngân hàng, chứng khoán, bất động sản, vật liệu xây dựng, sản xuất và phân phối điện...

Thị trường trong nước điều chỉnh sang tuần thứ 4 liên tiếp, về ngưỡng thấp nhất 950 điểm, trước khi hồi phục 2/3 phiên cuối tuần. Việc giữ vững vùng hỗ trợ 950 điểm – 960 điểm đang mang đến kỳ vọng cho một nhịp phục hồi khi thanh khoản ở vùng này đã tăng, cho thấy nhà đầu tư đã sẵn sàng bắt đáy. Điểm hạn chế lúc này là việc khối ngoại vẫn tiếp tục bán ròng, đây cũng là tháng thứ 5 liên tiếp khối ngoại bán ròng.



**Đà giảm điểm của VNM và MSN là nhân tố chính tác động tiêu cực lên thị trường.** Đặc biệt sự sụt giảm mạnh gần 11% của MSN đã khiến VN-Index lao dốc trong tuần qua. Bên cạnh đó, vẫn có một số cổ phiếu tác động tích cực lên thị trường như SAB, HPG, HDB, MWG.

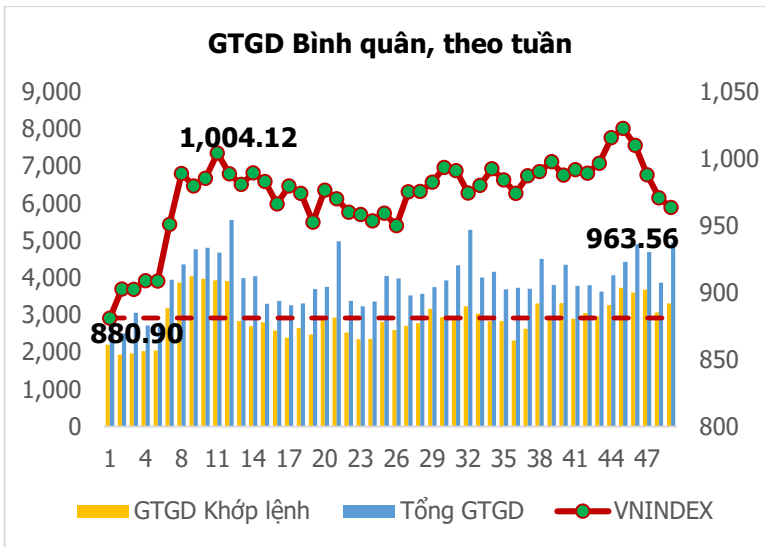
Áp lực điều chỉnh đè nặng lên các cổ phiếu nhóm dầu khí. Các bluechip đại diện như GAS, PVS, PVD, PVC đều giảm điểm. Trong đó, GAS giảm mạnh hơn 2% trong tuần qua.

Sự phân hóa xảy ra ở nhóm cổ phiếu ngân hàng. Trong khi HDB, TCB tăng mạnh trong tuần qua thì các cổ phiếu đại diện khác như BID, VCB, VPB, MBB lại diễn biến khá bi quan và giảm điểm.

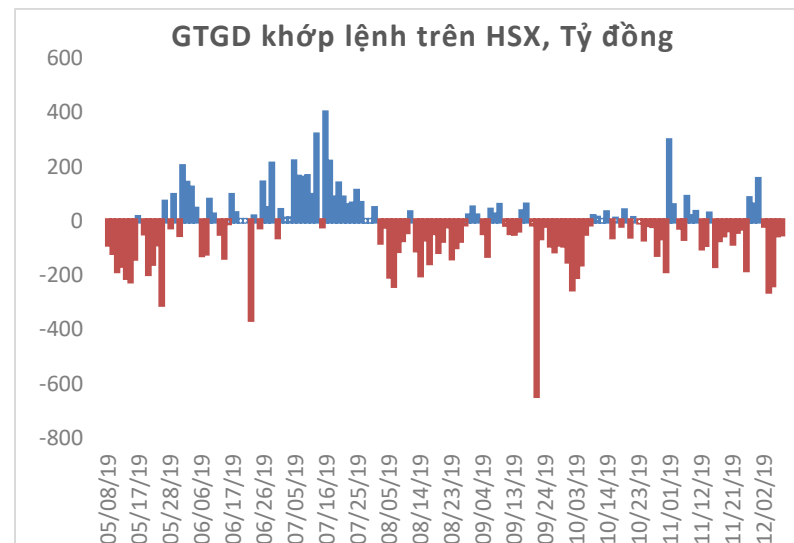
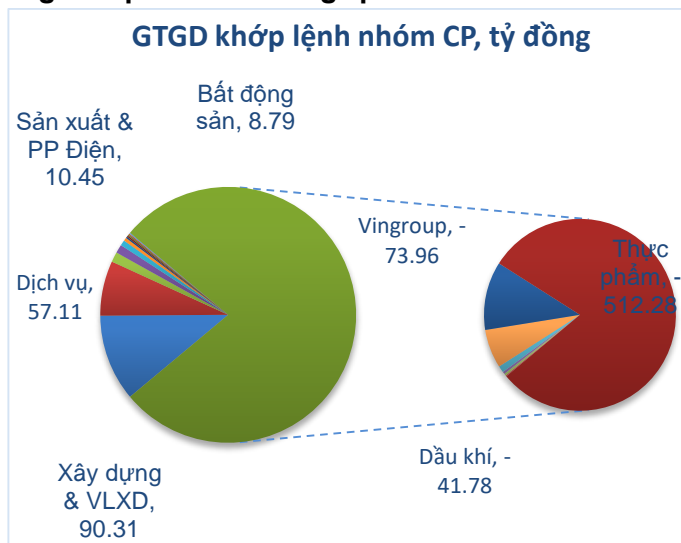
**Nổi bật và bứt phá phải kể đến nhóm vật liệu xây dựng. Đặc biệt nhất là HPG khi cổ phiếu này đánh dấu một tuần tăng điểm mạnh hơn 4%.** Các cổ phiếu khác như HSG, POM, HT1 cũng có được mức tăng trưởng so với tuần trước.

**Diễn biến thanh khoản:** Thanh khoản trong tuần vừa qua tăng 8% so với tuần trước trong khi vẫn cao hơn 13,4% so với bình quân kể từ đầu năm, đạt 3.307 tỷ đồng. Tổng giá trị giao dịch bình quân tăng 27,8% đạt 4.944 tỷ đồng. Trong tuần vừa qua, dòng tiền tăng ở cả 3 nhóm (VN-Index, VN30 và Smallcap), trong khi nhóm midcap bị rút ròng sang tuần thứ 2 liên tiếp.

**Về cơ cấu dòng tiền:** Nhóm Vingroup đã vươn lên chiếm vị trí đầu tiên với tỷ trọng 25% trong tuần và 21% trong tháng, tiếp tục vượt nhóm ngân hàng vốn thường xuyên giữ vị trí này trong nhiều tuần qua. Đứng thứ 2 là nhóm Ngân hàng với tỷ trọng 16% trong tuần vừa qua và 21% trong tháng. Các nhóm cổ phiếu có tỷ trọng cao sắp lần lượt tiếp theo là: thực phẩm, Xây dựng và vật liệu xây dựng, bất động sản, dầu khí, dịch vụ,...

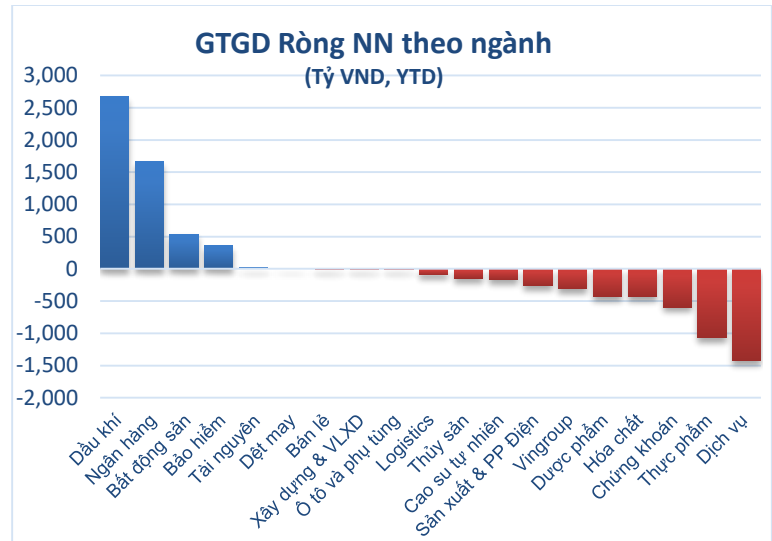
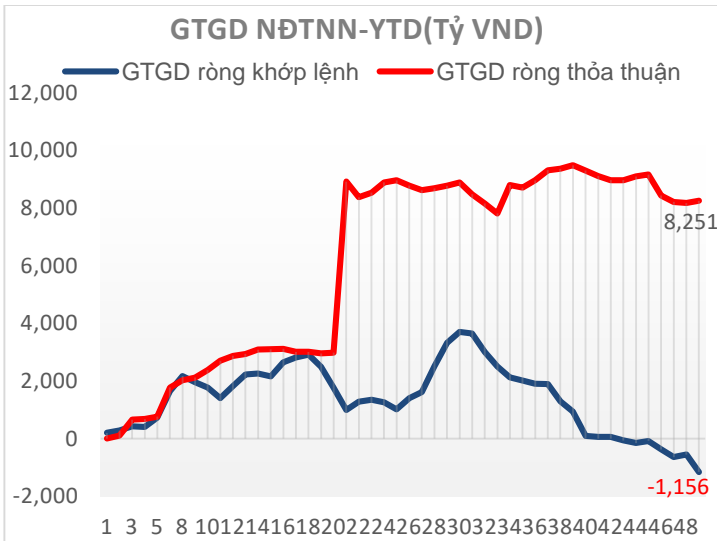


**Về giao dịch của khối ngoại:**



- Nhà đầu tư nước ngoài là nhân tố tác động thiếu tích cực trong tuần đầu tháng 12 khi trở lại trạng thái bán ròng khá mạnh với gần 520 tỷ đồng trên HSX. Trong đó, riêng GTGD khớp lệnh lên tới - 605 tỷ đồng với tâm điểm xả bán của khối ngoại là cổ phiếu MSN và VNM.
- Trên sàn HOSE, sau chuỗi ngày dài “ưu ái” với VRE, nhà đầu tư nước ngoài đã chuyển hướng và mua ròng mạnh nhất cổ phiếu HPG trong tuần đầu tiên của tháng 12. Cụ thể, khối ngoại mua ròng gần 4,2 triệu cổ phiếu HPG, với tổng giá trị tương ứng 98 tỷ đồng. Các mã được mua ròng mạnh tiếp theo đó là HVN với 63 tỷ đồng (1,78 triệu cổ phiếu), KDH với 28,4 tỷ đồng (gần 1,1 triệu cổ phiếu), CTG với 25,3 tỷ đồng (1,25 triệu cổ phiếu)... **Trái lại, cổ phiếu MSN sau thông tin sáp nhập VinEco và Vincommerce đã liên tiếp bị khối ngoại xả bán mạnh và đây cũng là mã dẫn đầu danh mục bị bán ròng mạnh.** Theo đó, MSN bị bán ròng gần 6,71 triệu cổ phiếu, tương ứng tổng giá trị 417,5 tỷ đồng. Đứng ở vị trí thứ 2, VNM bị bán ròng 188,4 tỷ đồng, tương đương khối lượng gần 1,61 triệu cổ phiếu. Ngoài ra, VHM bị bán ròng 99,1 tỷ đồng, ROS bị bán ròng gần 40 tỷ đồng...

- Trên sàn HNX, cổ phiếu PVS sau chuỗi ngày dài bị bán mạnh đã quay trở lại vị trí dẫn đầu trong danh mục được mua ròng mạnh về giá trị trong tuần đầu tiên của tháng 12, đạt 3,3 tỷ đồng, tương đương khối lượng đạt 186.595 đơn vị. Trong khi đó, xét về khối lượng, SVN là mã bị bán ròng mạnh nhất, đạt hơn 1,66 triệu cổ phiếu, tương ứng tổng giá trị 3 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, CEO bị nhà đầu tư ngoại bán ròng mạnh nhất với 372.000 cổ phiếu, giá trị bán ròng tương ứng đạt 3,3 tỷ đồng. Tiếp theo đó, NDN bị bán ròng 3 tỷ đồng, PVG bị bán ròng 0,9 tỷ đồng, HUT với 0,6 tỷ đồng...



- Lũy kế từ đầu năm, khối ngoại mua ròng 8.251 tỷ đồng trên sàn HSX, chủ yếu thông qua giao dịch thỏa thuận còn lại là khớp lệnh với giá trị lũy kế bán ròng -1.156 tỷ đồng (mức thấp nhất kể từ đầu năm). Trong đó dòng tiền chảy qua kênh ETF khoảng 233 triệu USD.
- Các nhóm cổ phiếu được khối ngoại mua ròng nổi bật có: Dầu khí (2.676 tỷ đồng), Ngân hàng (1.668 tỷ đồng), Bất động sản (538 tỷ đồng),...trong khi bán ròng ở các nhóm như: Dịch vụ (-1.424 tỷ đồng), Thực phẩm(-1072 tỷ đồng), chứng khoán (-593 tỷ đồng), Hóa chất (-437 tỷ đồng)...

**Về dòng vốn ETF: Tuần vừa qua, quỹ VanEck tiếp tục bị rút ròng nhẹ 0,8 triệu USD trong khi quỹ ETF nội hút dòng được hơn 1,14 triệu USD, qua đó nâng tổng giá trị vào ròng kể từ đầu năm của các quỹ ETF lên 233 triệu USD. Ngoài ra, dòng vốn quốc tế cũng ghi nhận tuần bán ròng ở nhiều thị trường mặc dù vậy tín hiệu đã giảm bán so với tuần trước đó.**

| Aggregates                     | 1W           | YTD               | 1Y                 |
|--------------------------------|--------------|-------------------|--------------------|
| Flow (USD)                     | 526,034      | 233,010,241       | 249,597,571        |
| Flow/Assets(%)                 | 0.06         | 25.29             | 27.09              |
| Name                           | Ticker       | 1W Flow (MLN USD) | YTD Flow (MLN USD) |
| VanEck Vectors Vietnam ETF     | VNM US       | (0.80)            | 100.95             |
| VFMVN30 ETF Fund               | E1VFMVN30 VN | 1.27              | 89.16              |
| KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF Sy | 245710 KS    | -                 | 21.20              |
| Xtrackers FTSE Vietnam Swap UC | XFVT GR      | -                 | 10.82              |
| Premia MSCI Vietnam ETF        | 2804 HK      | -                 | 4.24               |
| Premia MSCI Vietnam ETF        | 9804 HK      | -                 | 4.24               |
| SSIAM VNX50 ETF                | FUESSV50 VN  | 0.06              | 2.39               |

**Dòng vốn đầu tư gián tiếp FII:** Dòng vốn quốc tế ghi nhận tuần bán ròng ở khá nhiều thị trường trong đó có Việt Nam.

| World           |       | Foreign Portfolio Investment |         |          |          |          |           |          |  |
|-----------------|-------|------------------------------|---------|----------|----------|----------|-----------|----------|--|
| Equity          | Bond  | Portfolio                    |         |          |          |          |           |          |  |
| Currency        | USD   | Group By Region              |         |          |          |          |           |          |  |
| Country         | Date  | Daily                        | WTD     | MTD      | QTD      | YTD      | 12M       | YoY Lvl  |  |
| Asia            |       | Mln                          | Mln     | Mln      | Mln      | Mln      | Mln       | Mln      |  |
| 2) China        | 09/30 |                              |         | 9,184.8  | 9,700.7  | 81,188.4 | 62,223.1  |          |  |
| 3) India        | 12/05 | 61.1                         | -127.8  | -127.8   | 5,083.8  | 13,244.5 | 13,608.6  | 18,728.1 |  |
| 4) Indonesia    | 12/06 | 55.2                         | 37.0    | 37.0     | -724.8   | 2,931.1  | 2,629.2   | 6,119.0  |  |
| 5) Japan        | 11/29 |                              | 3,598.5 | 14,926.1 | 40,440.9 | 937.4    | -8,960.0  | 37,029.1 |  |
| 6) Malaysia     | 12/05 | -29.6                        | -180.6  | -180.6   | -666.6   | -2,570.9 | -2,816.2  | -367.8   |  |
| 7) Philippines  | 12/06 | -14.2                        | 8.7     | 8.7      | -176.9   | -58.5    | -87.4     | 871.1    |  |
| 8) S. Korea     | 12/06 | 204.4                        | -681.5  | -681.5   | -3,913.8 | -781.3   | -582.5    | 5,753.7  |  |
| 9) Sri Lanka    | 12/06 | -0.5                         | -0.4    | -0.4     | -45.8    | -59.3    | -80.2     | -52.9    |  |
| 10) Taiwan      | 12/06 | 163.8                        | 934.3   | 934.3    | 6,989.6  | 9,466.1  | 8,370.0   | 19,764.8 |  |
| 11) Thailand    | 12/06 | -53.2                        | -222.4  | -222.4   | -734.9   | -907.5   | -1,102.4  | 7,660.7  |  |
| 12) Vietnam     | 12/06 | -1.9                         | -23.8   | -23.8    | -152.5   | 208.6    | 224.6     | -1,656.2 |  |
| Americas        |       |                              |         |          |          |          |           |          |  |
| 14) Brazil      | 12/04 | -30.2                        | -11.0   | -11.0    | -4,454.5 | -9,746.7 | -10,766.8 | -9,652.9 |  |
| 15) Canada      | 09/30 |                              |         | 814.8    | 1,573.5  | 1,894.4  | 9,272.7   | -7,608.7 |  |
| 16) Chile       | 09/30 |                              |         |          | 971.1    | 1,218.9  | 1,853.7   | 3,524.9  |  |
| 17) Colombia    | 03/31 |                              |         |          | -125.8   | -125.8   | -985.6    | -1,326.7 |  |
| 18) El Salvador | 06/30 |                              |         |          | 0.0      | 0.0      | 0.0       | 0.0      |  |
| 19) Mexico      | 12/31 |                              |         |          | 2,221.9  | 9,517.8  | 9,517.8   | 5,916.7  |  |

**Chốt lại,** chuỗi giảm của thị trường trong nước đã lan sang tuần thứ 4 liên tiếp và dài nhất kể từ cuối tháng 5 và đầu tháng 6 vừa qua. Theo thống kê từ Bloomberg, trong 10 năm trở lại đây, xác suất thị trường thường tăng điểm trong tháng 12 với tỷ suất lợi nhuận bình quân là 0,79%.

Trong khi đó, tháng 11 là tháng có biến động mạnh nhất trong năm: tháng 11 từ năm 2019 đến nay, thị trường có 3 lần tăng và 8 lần giảm, tỷ suất lợi nhuận bình quân âm 2,15%. **Thị trường có tỷ suất lợi nhuận tốt nhất trong quý I, trong đó tháng 1 đạt bình quân 5,16%,** với 8 lần tăng, 3 lần giảm; tháng 2 đạt bình quân 0,39%, với 8 lần tăng, 3 lần giảm; tháng 3 đạt 2,39% với 1 lần tăng, 10 lần giảm.

Như mọi năm, nửa đầu tháng 12 năm nay sẽ có các thông tin, sự kiện tác động đến thị trường chứng khoán như hoạt động tái cơ cấu danh mục của các quỹ ETF, dự phóng số liệu vĩ mô cả năm, ước tính kết quả kinh doanh quý IV của các doanh nghiệp, hoạt động chốt giá trị tài sản ròng của các quỹ đầu tư...

**Nửa sau của tháng 12 sẽ là giai đoạn cao điểm về mặt thông tin trong năm. Về tổng thể, các thông tin này được dự báo sẽ có chiều hướng tích cực và hỗ trợ xu hướng thị trường chung.**

Nhịp giảm của thị trường chứng khoán vừa qua là cơ hội để nhà đầu tư tái cơ cấu danh mục cho chiến lược dài hạn, có thể tính theo quý. **Thanh khoản của thị trường đã có sự cải thiện trong tuần vừa qua, cho thấy nhà đầu tư đã sẵn sàng bắt đáy để đón nhịp hồi sắp tới.** Chỉ số VN-Index đã tạo đáy sau thấp hơn đáy trước nhưng áp lực bán lúc đã giảm nhiều, thị trường cũng đã có những phiên test cung trong vùng hỗ trợ 950 điểm – 960 điểm và việc giữ vững vùng hỗ trợ này trong 4 phiên vừa qua là tín hiệu tích cực hỗ trợ cho một nhịp hồi phục.

Sau 4 tuần giảm liên tiếp, một số nhóm cổ phiếu đã giảm mạnh thậm chí đã về mức thấp nhất trong năm như: nhóm thực phẩm, logistics, tài nguyên và bảo hiểm. Ở thời điểm hiện tại, nhóm cổ phiếu Vingroup cùng với sự trở lại của các nhóm khác như: Bán lẻ, vật liệu xây dựng, ngân hàng,.... sẽ là động lực cho thị trường hồi phục.



Về kỹ thuật, chỉ số VN-Index đã có tín hiệu tạo vùng đáy ngắn hạn trong tuần vừa qua khi kiểm nghiệm thành công hỗ trợ mạnh 950 +/- điểm, gần sát ngưỡng Fibonacci 50%. Bên cạnh đó, tín hiệu phục hồi trở lại ở nhiều nhóm cổ phiếu lớn khi tiệm cận sát vùng MA200 cũng là yếu tố hỗ trợ cho thấy rủi ro cũng giảm dần đối với mặt bằng cổ phiếu, các phiên cuối tuần hệ số tăng/giảm trên cổ phiếu cũng đã có dấu hiệu tích cực.

Ở thời điểm hiện tại, thị trường đang được hỗ trợ ở vùng 950 điểm – 960 điểm trong khi áp lực bán cũng không còn ép thêm được, vùng cân bằng cung cầu cũng đang được hình thành. Kịch bản khả dĩ là thị trường phục hồi với biên độ hẹp trước khi bật tăng kiểm nghiệm lại vùng MA200 ở mức 983 điểm. Trong trường hợp không thuận lợi, thị trường có thể thoái lui để kiểm tra ngưỡng hỗ trợ cứng kể từ đầu năm ở 940 điểm – 945 điểm.

**Chiến lược đầu tư:** Nhà đầu tư có thể cân nhắc tích lũy thêm cổ phiếu trong nhịp tích lũy này. Vùng hỗ trợ khi thị trường điều chỉnh có thể ở khu vực 940 điểm. Trong trường hợp khả quan, tức thị trường quay lại xu hướng tăng điểm thì vẫn cần kiểm chứng vùng kháng cự mạnh ở 983 điểm, nơi có mặt của đường MA200 ngày. Nếu thị trường có thể bứt phá với sự hỗ trợ của thanh khoản khi đó có thể tiếp tục nắm giữ hoặc tăng tỷ trọng, trường hợp ngược lại nên giảm tỷ trọng.

**Cơ hội đầu tư:** Chọn lọc và tập trung chủ yếu vào các cổ phiếu trong rổ VN30, đặc biệt chú ý đến các cổ phiếu nằm trong các rổ index mới. Bên cạnh đó là các cổ phiếu nhóm ngân hàng, chứng khoán, bất động sản, vật liệu xây dựng, sản xuất và phân phối điện...

Các kịch bản thị trường trong tuần tới:

**Kịch bản 1 (lạc quan 30%): VN-Index phục hồi trở lại vùng 980-990 điểm!**

- Với kịch bản lạc quan, VN-index tạo đáy kỹ thuật tại các ngưỡng hỗ trợ mạnh xoay quanh vùng 950 điểm và có nhịp phục hồi khá mạnh trở lại vùng kháng cự MA200 tại 980 đến 990 điểm.
- Hành động: Tiếp tục mua và nắm giữ các cổ phiếu chọn lọc cơ bản tốt và tín hiệu phục hồi mạnh hơn thị trường trong thời điểm hiện tại.



**Kịch bản 2 (Thận trọng 60%): VN-Index tạo vùng cân bằng xoay quanh ngưỡng 955-970 điểm và tích lũy trước khi kiểm nghiệm kháng cự MA200 tại vùng 983 điểm.**

- Trong kịch bản thận trọng, khả năng chỉ số VN-Index sẽ tiếp tục tích lũy hẹp quanh vùng 955-970 trước khi kiểm nghiệm lại vùng MA200 ở 983 điểm.
- Hành động: có thể cân nhắc tích lũy thêm cổ phiếu trong nhịp tích lũy này. Vùng hỗ trợ khi thị trường điều chỉnh có thể ở khu vực 940-950 điểm. Trong trường hợp khả quan, tức thị trường quay lại xu hướng tăng điểm thì vẫn cần kiểm chứng vùng kháng cự mạnh ở 983 điểm, nơi có mặt của đường MA200 ngày. Nếu thị trường có thể bứt phá với sự hỗ trợ của thanh khoản khi đó có thể tiếp tục nắm giữ hoặc tăng tỷ trọng, trường hợp ngược lại nên giảm tỷ trọng.



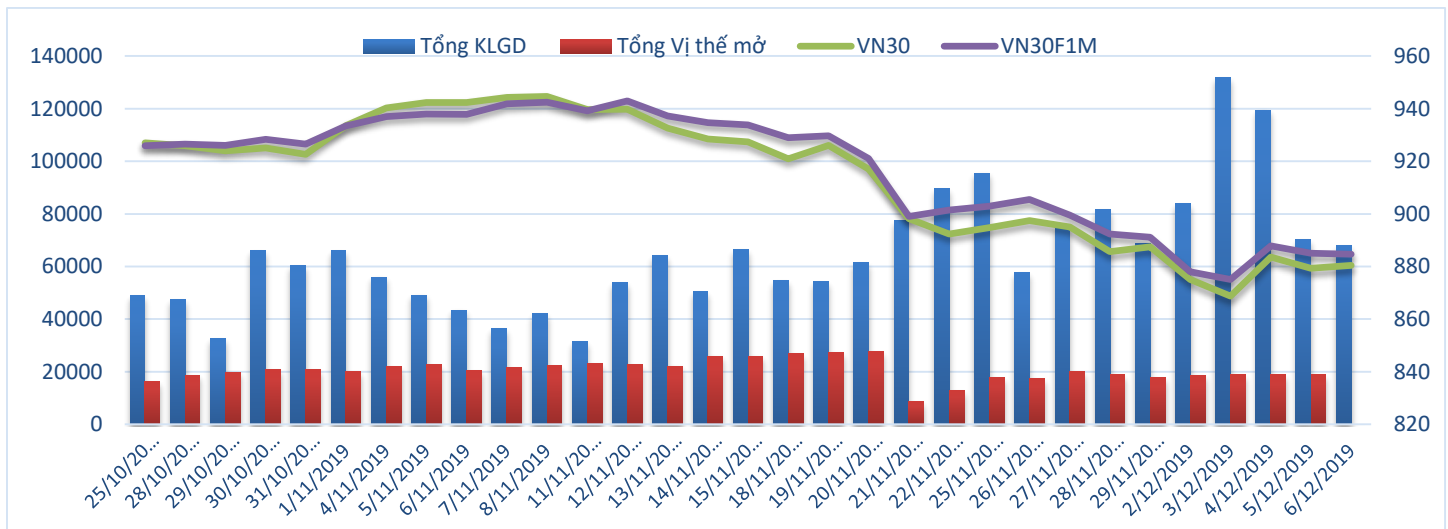
**Kịch bản 3 (kém lạc quan 10%): VN-Index bất ngờ xuất hiện nhịp điều chỉnh giảm xuyên thủng vùng 950 và có thể kiểm nghiệm vùng hỗ trợ 940 điểm hoặc thậm chí thấp hơn.**



- Trong kịch bản kém lạc quan, VN-Index bất ngờ xuất hiện nhịp điều chỉnh giảm xuyên thủng vùng 950+/- và có thể sẽ kiểm nghiệm vùng hỗ trợ 940 điểm hoặc thậm chí thấp hơn.

- Kịch bản này xảy ra khi yếu tố nước ngoài có thể bất ngờ bán mạnh trở lại khiến chỉ số bị thay đổi xu hướng.
- Hành động: Quan sát, chờ điểm giải ngân thích hợp khi chỉ số dừng đà giảm và xác lập tín hiệu tích lũy.

**Diễn biến Thị trường chứng khoán phái sinh: Tín hiệu tạo đáy ngắn hạn- Thanh khoản cao nhất 10 tuần gần đây!**



- Xu hướng giảm tiếp tục chi phối thị trường trong tuần qua, đây là tuần giảm điểm thứ 4 liên tiếp. Tuy nhiên, đà giảm của các chỉ số đang có tín hiệu chững lại tại các ngưỡng hỗ trợ mạnh. Diễn biến tăng hôm cuối tuần chỉ dừng ở một phiên dao động kỹ thuật, chưa nói lên gì nhiều. Dòng tiền có yếu đi một chút nhưng không rõ rệt. Phải chờ thêm vài phiên nữa mới biết được liệu các nhịp nảy như thế này vẫn xuất hiện hoạt động xả hay không, khi dòng tiền sụt giảm rõ hơn. Về kỹ thuật, cả VN30 và VN30F1M đang tiệm cận vùng hỗ trợ mạnh quanh 875-880 điểm, do đó, hoạt động Long có thể xem xét giải ngân dần.
- So với tuần trước, chỉ số VN30 giảm 0,79% xuống 880,43 điểm và VN30F1M giảm 0,72% xuống 884,70 điểm. Do đó, basis của các HĐTL duy trì khoảng cách dương với chỉ số cơ sở, hiện nằm trong khoảng từ +4,27 điểm đến +12,87 điểm. Thanh khoản thị trường phái sinh tuần này tăng 24,96% so với tuần liền trước đạt tổng 473.517 hợp đồng được khớp lệnh. KLGD trung bình phiên tăng từ 75.789 hợp đồng/phiên lên 94.703 hợp đồng/phiên. Khối lượng mở (OI) cuối tuần này tăng nhẹ so với cuối tuần trước đạt 17.840 hợp đồng toàn thị trường, trong đó OI hợp đồng VN30F1M là 17.144 hợp đồng, các hợp đồng còn lại có OI lần lượt là 389; 141; 166 hợp đồng.
- Về kỹ thuật, VN30-Index hồi phục nhẹ trong phiên giao dịch cuối tuần và chỉ số lấy lại được mốc 880 điểm. Khối lượng sụt giảm xuống dưới mức trung bình 20 phiên cho thấy dòng tiền vẫn khá thận trọng. Kịch bản chỉ số sẽ dao động Sideway trên vùng hỗ trợ và chờ đợi dòng tiền tham gia trở lại trong tuần tới. Vùng hỗ trợ mạnh của chỉ số trong ngắn hạn tại 870-875 điểm và kháng cự tại 890-895 điểm.

| Khung           | 15m     | 1h      | Daily   |
|-----------------|---------|---------|---------|
| <b>Tổng kết</b> | NEUTRAL | BUY     | SELL    |
| <b>Hỗ trợ</b>   | 880-883 | 875-878 | 860-865 |
| <b>Kháng cự</b> | 888-890 | 890-894 | 900-904 |

**Chiến lược giao dịch tuần tới:**

- **Chiến lược giao dịch trong ngày:** Chỉ số đang dao động giằng co tại vùng hỗ trợ mạnh. Do đó, chiến lược trading phù hợp hơn trong tuần tới với vùng kháng hỗ trợ 875-880 điểm và kháng cự 890-895 điểm.
- **Chiến lược giao dịch ngắn hạn:** Canh giải ngân Long trong các nhịp điều chỉnh với vùng hỗ trợ mạnh 875-880 điểm

CLTT xin gửi kèm bản nhận định này danh mục các cổ phiếu theo dõi trung dài hạn

| STT                 | Ngành | Mã cp      | Vốn hóa (Tỷ đồng) | Room NN | EPS 4Q | Book Value | PE | Giá 06/12/2019 | KLGD TB 1M |
|---------------------|-------|------------|-------------------|---------|--------|------------|----|----------------|------------|
| <b>Ngân hàng</b>    |       |            |                   |         |        |            |    |                |            |
| 1                   |       | <b>VCB</b> | 314,884           | 23.8%   | 5,274  | 21,924     | 16 | 84,900         | 618,533    |
| 2                   |       | <b>MBB</b> | 50,816            | 20.0%   | 3,261  | 16,964     | 7  | 21,850         | 4,354,432  |
| 3                   |       | <b>ACB</b> | 38,100            | #VALUE! | 3,585  | 15,644     | 6  | 23,000         | 4,145,398  |
| 4                   |       | <b>BID</b> | 159,473           | 17.9%   | 2,109  | 16,457     | 19 | 39,650         | 814,248    |
| 5                   |       | <b>CTG</b> | 75,585            | 29.3%   | 1,641  | 19,960     | 12 | 20,300         | 3,393,105  |
| 6                   |       | <b>VPB</b> | 47,172            | 23.7%   | 3,341  | 16,482     | 6  | 19,600         | 1,543,244  |
| 7                   |       | <b>HDB</b> | 27,272            | 23.7%   | 2,897  | 15,938     | 10 | 27,800         | 1,878,206  |
| 8                   |       | <b>VIB</b> | 15,531            | #VALUE! | 3,181  | 11,658     | 5  | 16,800         | 652,490    |
| 10                  |       | <b>STB</b> | 18,037            | 12.9%   | 1,543  | 14,543     | 6  | 10,000         | 3,110,108  |
| 11                  |       | <b>TPB</b> | 17,937            | 31.1%   | 2,887  | 14,408     | 8  | 21,700         | 191,822    |
| 12                  |       | <b>TCB</b> | 81,028            | #DIV/0! | 2,660  | 16,799     | 9  | 23,150         | 1,725,305  |
| <b>Chứng khoán</b>  |       |            |                   |         |        |            |    |                |            |
| 13                  |       | <b>SSI</b> | 9,907             | 55.8%   | 1,769  | 19,009     | 11 | 19,500         | 1,588,818  |
| 14                  |       | <b>HCM</b> | 7,302             | 57.4%   | 1,287  | 14,171     | 19 | 23,900         | 1,130,793  |
| 15                  |       | <b>VND</b> | 2,889             | 42.8%   | 1,323  | 14,857     | 10 | 13,850         | 294,845    |
| 16                  |       | <b>MBS</b> | 1,881             | 0.0%    | 1,404  | 13,194     | 11 | 15,400         | 211,792    |
| <b>Bảo Hiểm</b>     |       |            |                   |         |        |            |    |                |            |
| 17                  |       | <b>BVH</b> | 46,118            | 25.3%   | 1,889  | 22,351     | 35 | 65,800         | 164,532    |
| 18                  |       | <b>BMI</b> | 2,352             | 37.6%   | 1,237  | 24,485     | 21 | 25,750         | 100,966    |
| 19                  |       | <b>PVI</b> | 7,280             | #DIV/0! | 2,801  | 29,693     | 11 | 31,500         | 58,006     |
| <b>Bất động sản</b> |       |            |                   |         |        |            |    |                |            |
| 20                  |       | <b>VIC</b> | 390,418           | 14.9%   | 1,589  | 23,319     | 73 | 115,900        | 405,442    |
| 21                  |       | <b>DXG</b> | 7,310             | 45.3%   | 3,215  | 16,596     | 4  | 13,900         | 1,813,553  |
| 22                  |       | <b>DIG</b> | 4,204             | 35.9%   | 1,079  | 11,820     | 12 | 13,350         | 618,151    |
| 23                  |       | <b>KDH</b> | 14,727            | 44.4%   | 1,697  | 13,262     | 16 | 27,050         | 350,506    |
| 24                  |       | <b>NLG</b> | 6,917             | 51.0%   | 2,082  | 18,511     | 13 | 27,700         | 402,359    |
| 25                  |       | <b>HDG</b> | 3,844             | 17.3%   | 9,530  | 19,057     | 3  | 32,400         | 414,774    |
| 26                  |       | <b>LHG</b> | 758               | 10.8%   | 2,766  | 22,905     | 5  | 15,150         | 139,172    |
| 27                  |       | <b>VHM</b> | 308,155           | 15.1%   | 4,503  | 12,907     | 20 | 92,000         | 2,059,504  |
| 28                  |       | <b>KBC</b> | 6,999             | 27.6%   | 1,611  | 19,670     | 9  | 14,900         | 1,349,129  |
| 29                  |       | <b>VRE</b> | 80,577            | 32.7%   | 1,228  | 12,224     | 28 | 34,600         | 4,677,804  |
| 30                  |       | <b>PDR</b> | 9,076             | 6.1%    | 2,129  | 11,680     | 13 | 27,700         | 703,537    |

|                                    |            |         |         |        |         |    |         |           |
|------------------------------------|------------|---------|---------|--------|---------|----|---------|-----------|
| 31                                 | <b>BCM</b> | 29,498  | 2.0%    | 2,045  | 12,208  | 14 | 28,500  | 36,019    |
| 32                                 | <b>D2D</b> | 1,588   | 5.3%    | 13,430 | 33,348  | 6  | 74,500  | 201,928   |
| 33                                 | <b>SZL</b> | 787     | 11.4%   | 4,397  | 33,294  | 10 | 43,250  | 114,862   |
| <b>Dầu khí</b>                     |            |         |         |        |         |    |         |           |
| 34                                 | <b>GAS</b> | 187,567 | 3.6%    | 5,886  | 23,795  | 17 | 98,000  | 341,997   |
| 35                                 | <b>BSR</b> | 28,525  | 41.1%   | 1,163  | 10,083  | 8  | 9,200   | 2,010,977 |
| 36                                 | <b>PLX</b> | 67,162  | 14.6%   | 3,467  | 18,467  | 16 | 56,400  | 235,363   |
| 37                                 | <b>PVD</b> | 6,317   | 21.1%   | 0      | 1       | 14 | 15,000  | 1,544,537 |
| 38                                 | <b>PVS</b> | 8,221   | 21.9%   | 2,062  | 25,589  | 8  | 17,200  | 1,603,455 |
| <b>Xây dựng &amp; VLXD</b>         |            |         |         |        |         |    |         |           |
| 39                                 | <b>CTD</b> | 4,990   | 49.6%   | 9,842  | 107,248 | 7  | 65,400  | 90,418    |
| 40                                 | <b>VCS</b> | 12,464  | 2.1%    | 8,338  | 19,760  | 9  | 77,900  | 239,489   |
| 41                                 | <b>VGC</b> | 8,250   | 13.4%   | 1,398  | 13,987  | 13 | 18,400  | 181,230   |
| 42                                 | <b>CVT</b> | 748     | 13.2%   | 4,268  | 16,050  | 5  | 20,400  | 224,628   |
| 43                                 | <b>VCG</b> | 11,970  | 0.5%    | 1,557  | 15,244  | 17 | 27,100  | 339,369   |
| 44                                 | <b>PTB</b> | 3,443   | 24.0%   | 8,985  | 34,935  | 8  | 72,800  | 60,939    |
| 45                                 | <b>BMP</b> | 3,958   | 80.5%   | 5,073  | 31,009  | 10 | 48,350  | 114,759   |
| 46                                 | <b>NTP</b> | 3,082   | 20.6%   | 4,184  | 25,076  | 8  | 31,400  | 20,446    |
| 47                                 | <b>AAA</b> | 2,431   | 2.4%    | 2,692  | 16,797  | 5  | 14,200  | 2,735,718 |
| 48                                 | <b>HT1</b> | 5,647   | #DIV/0! | 1,912  | 14,705  | 8  | 14,800  | 193,915   |
| <b>Thép</b>                        |            |         |         |        |         |    |         |           |
| 49                                 | <b>HPG</b> | 65,852  | 37.9%   | 2,526  | 16,612  | 9  | 23,850  | 5,912,411 |
| 50                                 | <b>HSG</b> | 3,398   | #DIV/0! | 425    | 12,700  | 19 | 8,030   | 4,317,639 |
| <b>Điện</b>                        |            |         |         |        |         |    |         |           |
| 51                                 | <b>REE</b> | 11,162  | 49.0%   | 5,614  | 32,083  | 6  | 36,000  | 762,786   |
| 52                                 | <b>NT2</b> | 6,477   | 19.2%   | 2,721  | 14,621  | 8  | 22,500  | 283,156   |
| 53                                 | <b>PC1</b> | 2,908   | 39.1%   | 2,246  | 21,228  | 8  | 18,250  | 229,370   |
| 54                                 | <b>TV2</b> | 1,976   | 14.3%   | 10,271 | 35,711  | 8  | 82,300  | 22,196    |
| 55                                 | <b>POW</b> | 29,625  | 13.9%   | 820    | 10,464  | 15 | 12,650  | 1,889,549 |
| 56                                 | <b>HND</b> | 7,050   | 0.2%    | 850    | 11,385  | 17 | 14,100  | 27,738    |
| <b>Logistic</b>                    |            |         |         |        |         |    |         |           |
| 57                                 | <b>VSC</b> | 1,320   | 37.6%   | 4,104  | 29,857  | 6  | 23,950  | 109,769   |
| 58                                 | <b>GMD</b> | 6,770   | 49.0%   | 1,949  | 21,069  | 12 | 22,800  | 256,079   |
| 59                                 | <b>ILB</b> | 431     | #VALUE! | 2,676  | 15,713  | 7  | 17,600  | 9,066     |
| <b>Hàng tiêu dùng &amp; Bán lẻ</b> |            |         |         |        |         |    |         |           |
| 60                                 | <b>MWG</b> | 49,050  | 49.1%   | 8,321  | 25,483  | 13 | 110,800 | 753,386   |
| 61                                 | <b>FPT</b> | 37,305  | 49.0%   | 4,688  | 20,021  | 12 | 55,000  | 1,794,339 |
| 62                                 | <b>DGW</b> | 986     | 15.7%   | 3,491  | 21,299  | 7  | 23,600  | 580,189   |
| 63                                 | <b>PNJ</b> | 18,295  | 49.0%   | 4,839  | 18,513  | 17 | 82,200  | 451,733   |
| 64                                 | <b>VNM</b> | 202,522 | 58.6%   | 5,527  | 15,654  | 21 | 116,300 | 1,165,796 |
| 65                                 | <b>QNS</b> | 10,494  | 17.1%   | 4,183  | 18,111  | 7  | 29,400  | 203,291   |
| 66                                 | <b>MSN</b> | 73,059  | 39.9%   | 4,512  | 28,783  | 14 | 62,500  | 870,324   |

|                                |            |         |         |        |        |    |         |         |
|--------------------------------|------------|---------|---------|--------|--------|----|---------|---------|
| 67                             | <b>KDC</b> | 3,959   | 26.0%   | 485    | 28,717 | 40 | 19,250  | 66,411  |
| <b>Phân bón &amp; hóa chất</b> |            |         |         |        |        |    |         |         |
| 68                             | <b>CSM</b> | 1,492   | 2.4%    | 196    | 11,718 | 73 | 14,400  | 24,523  |
| 69                             | <b>DRC</b> | 2,708   | 23.3%   | 1,723  | 13,559 | 13 | 22,800  | 273,904 |
| 70                             | <b>CSV</b> | 928     | #DIV/0! | 5,472  | 21,032 | 4  | 21,000  | 60,455  |
| 71                             | <b>DGC</b> | 3,842   | 1.7%    | 7,845  | 26,493 | 4  | 29,700  | 101,620 |
| <b>Du lịch và giải trí</b>     |            |         |         |        |        |    |         |         |
| 72                             | <b>HVN</b> | 49,853  | 10.1%   | 1,747  | 12,777 | 20 | 35,150  | 426,612 |
| 73                             | <b>VJC</b> | 75,642  | 20.3%   | 9,850  | 25,917 | 15 | 144,400 | 459,576 |
| 74                             | <b>ACV</b> | 164,363 | 3.7%    | 2,630  | 14,099 | 29 | 75,500  | 70,202  |
| 75                             | <b>AST</b> | 3,803   | 45.9%   | 4,352  | 14,296 | 19 | 84,500  | 48,668  |
| 76                             | <b>SAS</b> | 4,364   | 0.5%    | 2,272  | 11,528 | 14 | 32,700  | 3,866   |
| 77                             | <b>SCS</b> | 6,875   | 27.8%   | 7,716  | 16,266 | 18 | 136,500 | 8,406   |
| <b>Dệt may</b>                 |            |         |         |        |        |    |         |         |
| 78                             | <b>TCM</b> | 1,126   | 49.1%   | 2,930  | 23,386 | 7  | 19,450  | 284,643 |
| 79                             | <b>TNG</b> | 908     | 12.3%   | 3,673  | 15,697 | 4  | 14,600  | 553,441 |
| 80                             | <b>MSH</b> | 2,716   | 8.5%    | 10,232 | 19,605 | 5  | 54,300  | 58,915  |
| <b>Thủy sản</b>                |            |         |         |        |        |    |         |         |
| 81                             | <b>VHC</b> | 7,232   | 34.8%   | 14,958 | 51,854 | 5  | 79,500  | 92,713  |
| 82                             | <b>ANV</b> | 2,848   | 1.8%    | 6,366  | 17,214 | 4  | 22,400  | 378,665 |
| 83                             | <b>FMC</b> | 1,309   | 7.1%    | 5,333  | 18,457 | 5  | 26,700  | 31,073  |
| 84                             | <b>CMX</b> | 192     | 2.1%    | 6,643  | 14,605 | 2  | 14,500  | 30,548  |
| <b>Cao su</b>                  |            |         |         |        |        |    |         |         |
| 85                             | <b>PHR</b> | 7,344   | 34.8%   | 6,393  | 22,752 | 8  | 54,200  | 414,654 |
| 86                             | <b>DPR</b> | 1,757   | 1.8%    | 4,029  | 47,262 | 11 | 43,800  | 68,292  |